

Số: 396/BC-BYT

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 (Từ 16h00 ngày 21/3/2022 đến 16h00 ngày 22/3/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 472,7 triệu ca, trong đó trên 6,1 triệu ca tử vong.

Châu Âu đang đón “con bão COVID-19 mới”. Nhiều quốc gia châu Âu như Anh, Pháp, Đức, Italy thông báo số ca nhiễm tăng lên trong những ngày gần đây. Theo các nhà khoa học, số ca nhiễm tại lục địa này tăng cao do chính phủ nới giãn cách quá nhanh chóng. Số khác cho rằng nguyên nhân nằm ở biến chủng phụ của Omicron là BA.2, còn gọi là "Omicron tàng hình", đang chiếm ưu thế ở nhiều quốc gia. BA.2 lây nhiễm nhanh hơn phiên bản gốc BA.1 30%.

Ngày 21/3, hãng dược phẩm AstraZeneca cho biết hỗn hợp kháng thể đơn dòng Evusheld do hãng này phát triển đã được chứng minh có hiệu quả vô hiệu hóa biến thể Omicron của virus SARS-CoV-2, bao gồm cả dòng phụ BA.2 đang khiến số ca mắc COVID-19 tăng vọt ở châu Âu và châu Á. Hỗn hợp kháng thể đơn dòng Evusheld đã được Cơ quan quản lý thực phẩm và dược phẩm Mỹ (FDA) cấp phép sử dụng khẩn cấp như một liệu pháp dự phòng trước nguy cơ phơi nhiễm virus SARS-CoV-2 đối với người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên nặng ít nhất 39kg. Theo AstraZeneca, dữ liệu từ Đại học Y khoa Washington cho thấy Evusheld có tác dụng giảm tải lượng virus và viêm phổi do các dòng phụ của Omicron gồm BA.1, BA.1.1 và BA.2 gây ra. Nghiên cứu được thực hiện trên chuột nhiễm virus. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu lưu ý có một số hạn chế trong nghiên cứu. Theo đó, nghiên cứu chỉ sử dụng những con chuột cái và các dòng phụ của biến thể Omicron được cho là gây bệnh ở chuột ít hơn so với các biến thể trước đó. Nhóm nghiên cứu cho rằng cần có những nghiên cứu sâu hơn ở các loài động vật khác cũng như ở người.

Chính phủ Hàn Quốc đã thắt chặt các hạn chế nhập cảnh từ Việt Nam. Theo đó, từ ngày 1/4 tới, tất cả du khách từ Việt Nam nhập cảnh Hàn Quốc sẽ phải tự cách ly trong 7 ngày bắt kể đã tiêm vaccine ngừa COVID-19 hay chưa. Tỷ lệ bán vé trên các chuyến bay từ Việt Nam đến Hàn Quốc chỉ được tối đa 60% trên tổng số ghế. Việc bán vé mới cho các chuyến bay có lượng đặt trước vượt quá 60% sẽ bị đình chỉ ngay lập tức.

Tại Trung Quốc, Khu hành chính đặc biệt Hong Kong có kế hoạch nới lại các chuyến bay từ 9 quốc gia, trong đó có Mỹ và Anh, từ tháng 4 tới. Chính quyền Hong Kong cũng quyết định đình chỉ kế hoạch thực hiện xét nghiệm bắt buộc toàn dân sau khi xem xét ý kiến của các chuyên gia. Ngoài ra, nhà chức trách công bố một số biện

pháp nói lỏng giãn cách xã hội theo 3 giai đoạn kể từ ngày 21/4, trong bối cảnh số ca mắc mới COVID-19 giảm trong những ngày gần đây. Theo đó, trong giai đoạn đầu, các nhà hàng có thể sẽ được đón tiếp khách ăn tại chỗ sau 18h, giới hạn tụ tập nơi đông người được nói lỏng lên 4 người. Trong giai đoạn 2, các quán rượu, bể bơi và bãi biển... sẽ được mở cửa trở lại.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 22/3/2022, cả nước ghi nhận 8.338.914 ca mắc, trong đó 8.332.810 ca trong nước. Đến nay đã có 4.468.805 người khỏi bệnh, 41.949 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 8.336.062 ca, trong đó có 8.331.240 ca trong nước, 4.465.988 người đã khỏi bệnh (53,6%), 41.914 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 130.735 ca mắc mới, trong đó 130.731 ca ghi nhận trong nước (giảm 978 ca so với ngày hôm qua) tại 62 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (16.014), Phú Thọ (5.920), Nghệ An (4.820), Lào Cai (4.544), Hải Dương (4.219), Bắc Giang (3.949), Yên Bái (3.933), Vĩnh Phúc (3.892), Lạng Sơn (3.657), Tuyên Quang (3.569), Đắk Lắk (3.478), Bắc Ninh (3.473), Sơn La (3.338), Hưng Yên (3.327), Hòa Bình (3.324), Thái Bình (3.120), Cà Mau (3.053), Cao Bằng (2.910), Quảng Bình (2.882), Thái Nguyên (2.859), Quảng Ninh (2.682), Lâm Đồng (2.349), Bắc Kạn (2.262), Lai Châu (2.216), Điện Biên (2.204), Hà Giang (1.987), Bình Định (1.959), Quảng Trị (1.895), Hà Nam (1.809), Bến Tre (1.748), Tây Ninh (1.714), Nam Định (1.515), Bình Dương (1.512), Vĩnh Long (1.465), Ninh Bình (1.403), Kon Tum (1.283), Đắk Nông (1.217), Hồ Chí Minh (1.094), Bà Rịa - Vũng Tàu (1.060), Trà Vinh (1.039), Bình Phước (1.033), Khánh Hòa (1.013), Quảng Ngãi (1.002), Hà Tĩnh (989), Thanh Hóa (979), Hải Phòng (776), Đà Nẵng (747), Phú Yên (739), Bình Thuận (672), Thừa Thiên Huế (632), Quảng Nam (348), Bạc Liêu (228), An Giang (161), Long An (150), Kiên Giang (146), Đồng Nai (98), Cần Thơ (96), Sóc Trăng (74), Ninh Thuận (57), Hậu Giang (50), Đồng Tháp (30), Tiền Giang (17).

+ Có 4 ca nhập cảnh ghi nhận tại Lai Châu (1), Nghệ An (1), Quảng Trị (1), An Giang (1).

- Trong ngày, ghi nhận báo cáo bổ sung 35.000 ca tại Thái Bình, 33.331 ca tại Hưng Yên, 26.400 ca tại Quảng Ninh và 23.687 ca tại Vĩnh Phúc sau khi rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin.

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Cao Bằng (+646), Lâm Đồng (+620), Hải Dương (+599).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Gia Lai (-2.793), Hà Nội (-1.902), Bắc Kạn (-1.422).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 83.731 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 66,7% tổng số mắc trong ngày), giảm 4.164 ca so với ngày trước đó.

- Một số địa phương ghi nhận số mắc trong ngày trong cộng đồng, gồm:

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 660 ca cộng đồng (giảm 4.721 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 1.204.100 ca.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 4.096 ca thông qua sàng lọc (tăng 333 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 240.081 ca.

+ Tỉnh Lạng Sơn: Trong ngày ghi nhận 3.462 ca cộng đồng (giảm 125 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 114.054 ca.

+ Tỉnh Yên Bái: Trong ngày ghi nhận 3.426 ca cộng đồng (tăng 424 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 80.612 ca.

+ Tỉnh Lào Cai: Trong ngày ghi nhận 3.128 ca cộng đồng (tăng 248 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 120.757 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Vĩnh Phúc tăng 8.171 ca, Yên Bái tăng 5.305 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: TP. Hà Nội (giảm 39.677 ca), TP. Hải Phòng (giảm 11.124 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 4.465.988 người đã khỏi bệnh (53,6%), tăng 186.137 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 3.828.160 trường hợp, trong đó có 4.225 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 3.018 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 316; (3) Thở máy không xâm lấn: 99; (4) Thở máy xâm lấn: 301; (5) EMO: 6.

- Trong ngày 21/3, ghi nhận 69 trường hợp tử vong (tăng 6 ca so với ngày trước đó), tại: Bạc Liêu (5), Đồng Nai (5), Quảng Nam (5), Quảng Ngãi (5), Bình Dương (4), An Giang (3), Hà Nội (3), Khánh Hòa (3), Phú Thọ (3), Trà Vinh (3), Bắc Giang (2), Cà Mau (2), Hòa Bình (2), Lâm Đồng (2), Phú Yên (2), Tây Ninh (2), TP. Hồ Chí Minh (2), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bình Phước (1), Bình Thuận (1), Cần Thơ (1), Đà Nẵng (1), Đồng Tháp (1), Hà Giang (1), Hà Nam (1), Hà Tĩnh (1), Kiên Giang (1), Lạng Sơn (1), Nam Định (1), Quảng Bình (1), Sóc Trăng (1), Thái Nguyên (1), Thanh Hóa (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 21/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 43.035.791 mẫu cho 86.796.553 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 37.302.627 mẫu tương đương 83.048.614 lượt người, tăng 149.626 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.964.320 mẫu gộp cho 49.240.263 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 22/3/2022 là 227,8 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	31.436.236	33.630.840	13.572.980	19.671.460	386.400	65.067.076
2	Pfizer	50.999.130	38.653.080	34.061.040	4.592.040	0	89.652.210
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	120.381.278	61.731.580	31.786.300	26.863.398	227.816.644
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						205.230.544
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						22.086.100

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 227,8 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 205,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 22 triệu liều¹ chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 21/3/2022

Cả nước đã tiêm 202.029.331 liều (*trong ngày tiêm được 203.221 liều*), tỷ lệ sử dụng đạt 98,4% số vắc xin phân bổ 135 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng ²	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	99,1%	43,7%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,0%	94,0%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 184.960.770 liều:

¹ 22 triệu liều chưa phân bổ gồm: 9,1 triệu liều Pfizer mua; 2,2 triệu liều Pfizer cho Chính phủ Úc viện trợ; 0,1 triệu liều AstraZeneca do Chính phủ Singapore viện trợ; 10,1 triệu liều Pfizer và 0,5 triệu liều AstraZeneca do COVAX viện trợ.

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

+ Mũi 1: 70.947.864 liều

+ Mũi 2: 69.381.883 liều³; Mũi bổ sung: 14.660.747 liều.

+ Mũi 3: 29.970.276 liều

47/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 95%.

16/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 90% đến dưới 95%⁴.

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.068.561 liều:

+ Mũi 1: 8.753.524 liều

+ Mũi 2: 8.315.037 liều.

57/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

06/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90%⁵.

(Chi tiết phân bố và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Việt Nam hiện đang trong giai đoạn chuyển tiếp giữa giai đoạn đại dịch sang quản lý nguy cơ có tính bền vững, hướng tới từng bước bình thường hóa với dịch COVID-19. Tỷ lệ bệnh nặng, tử vong đã giảm nhiều so với giai đoạn trước nhưng số tử vong ghi nhận hàng ngày vẫn ở mức cao trên dưới 80 trường hợp mỗi ngày. Tỷ lệ mắc bệnh không đồng đều giữa các tỉnh, thành phố; đặc tính vi rút SARS-CoV-2 liên tục xuất hiện các biến thể; trong khi hệ thống giám sát, chăm sóc và điều trị cần phải được hoàn thiện hơn để có thể đáp ứng với các tình huống của dịch nên vẫn cần phải tập trung các biện pháp phòng chống tích cực. Bộ Y tế tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình dịch COVID-19, cập nhật sự biến đổi của vi rút SARS-CoV-2, xây dựng tiêu chí để tham mưu Thủ tướng Chính phủ quyết định xem xét bệnh COVID-19 là “bệnh lưu hành” trong thời điểm thích hợp. Đề phù hợp với diễn biến tình hình dịch COVID-19 và xu hướng chung về nói lỏng các biện pháp phòng chống dịch của các nước.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Triển khai thực hiện nghiêm túc Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 năm 2022-2023, trong đó tập trung chủ yếu các nội dung: bảo đảm đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin phòng COVID-19 và chủ động cung ứng vắc xin; Kiểm soát sự lây lan của dịch COVID-19; Nâng cao năng lực hệ thống y tế, đặc biệt là y tế dự phòng và y tế cơ sở; tăng cường đầu tư trang thiết bị cơ sở y tế, có các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp với những người làm nhiệm vụ y tế dự phòng, y tế cơ sở; tăng cường chất lượng cấp cứu và hồi sức tích cực ở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các tuyến; Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương bởi dịch COVID-19; Bảo đảm thông tin, truyền thông chủ động trong định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận, niềm tin xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch thống nhất toàn quốc; Chủ động chuẩn bị các biện pháp về kinh tế - xã hội, hành chính theo cấp độ nguy cơ dịch để bảo

³ Bao gồm 1.496.242 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày.

⁴ Hà Nam (93,7%), Hòa Bình (91,2%), Hà Tĩnh (92,4%), Lai Châu (94,1%), Cao Bằng (90,1%), Sơn La (94,8%), Điện Biên (94,0%), Quảng Trị (91,8%), Quảng Ngãi (94,8%), Bình Định (91,1%), Phú Yên (92,1%), Kon Tum (94,8%), Đắk Lắk (94,8%), Đồng Nai (94,7%), Tây Ninh (93,3%) và Bình Dương (92,4%).

⁵ Điện Biên (87,1%), Quảng Bình (86,2%), Gia Lai (87,2%), Đắk Lắk (88,4%), TP. HCM (82,1%) và Bình Dương (78,7%).

đảm vừa phòng, chống dịch vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đời sống sinh hoạt của nhân dân.

2. Triển khai lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; hướng dẫn các biện pháp thích ứng an toàn, triển khai đánh giá cấp độ dịch và triển khai các biện pháp đáp ứng phù hợp với diễn biến tình hình dịch COVID-19. Rà soát các quy định, hướng dẫn về cách ly trường hợp tiếp xúc gần (F1), người nhập cảnh; tổ chức cách ly, điều trị người mắc COVID-19 (F0) tại nhà; tham gia công tác, đi làm với các trường hợp F0, F1 đang trong thời gian cách ly; các biện pháp xét nghiệm COVID-19; cơ chế cung ứng thuốc kháng vi rút điều trị COVID-19; sử dụng thuốc điều trị COVID-19 tại nhà theo hướng đơn giản, thuận tiện đảm bảo khoa học và hiệu quả nhất; xây dựng phương án ứng phó không để quá tải hệ thống y tế, tập trung quản lý người có nguy cơ cao và người lao động. Triển khai tiêm vắc xin thần tốc để hoàn thành việc tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi (trừ các đối tượng chống chỉ định và chưa tới thời gian tiêm) trong quý I/2022; hoàn thành việc tiêm mũi thứ 2 cho người từ 12-17 tuổi trong tháng 3/2022; chuẩn bị tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi; nghiên cứu việc tiêm mũi thứ 4 và các cháu dưới 5 tuổi...

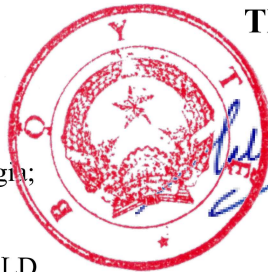
3. Nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở; lập kế hoạch đầu tư cho nghiên cứu y sinh học, phát triển công nghiệp dược, vắc xin, sinh phẩm, thuốc điều trị, trang thiết bị y tế. Tăng cường nguồn nhân lực; có các chính sách thỏa đáng đối với cán bộ y tế và lực lượng tuyến đầu trong phòng chống dịch.

4. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, huy động người dân, cộng đồng tham gia công tác phòng chống dịch. Chủ động truyền thông tăng cường thông tin, tuyên truyền bảo đảm kịp thời, chính xác về tình hình và các giải pháp của các cấp có thẩm quyền, theo tinh thần lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, tăng cường thông tin hướng dẫn để người dân yên tâm, ngăn chặn hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, sai trái...

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, **VP**.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 21/3	Số mắc ngày 22/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 22/3	Số tử vong tích lũy đến 21/3
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		131.709	130.731	-978	8.331.038	41.914
1	Hà Nội	17.916	16.014	-1.902	1.204.100	1.188
2	Hồ Chí Minh	1.487	1.094	-393	585.328	20.458
3	Bình Dương	2.452	1.512	-940	363.521	3.426
4	Nghệ An	5.403	4.820	-583	356.071	130
5	Hải Dương	3.620	4.219	599	322.064	101
6	Bắc Ninh	4.295	3.473	-822	303.362	127
7	Vĩnh Phúc	3.686	3.892	206	291.940	19
8	Bắc Giang	3.908	3.949	41	260.201	82
9	Quảng Ninh	2.638	2.682	44	254.605	98
10	Phú Thọ	5.348	5.920	572	240.081	75
11	Nam Định	1.112	1.515	403	222.602	138
12	Hung Yên	2.908	3.327	419	196.927	5
13	Thái Bình	3.016	3.120	104	182.147	21
14	Hòa Bình	2.793	3.324	531	156.836	101
15	Thái Nguyên	2.783	2.859	76	146.768	94
16	Thanh Hóa	867	979	112	126.715	98
17	Cà Mau	2.714	3.053	339	124.463	322
18	Lào Cai	4.282	4.544	262	120.757	30
19	Tây Ninh	1.194	1.714	520	116.543	856
20	Sơn La	2.988	3.338	350	115.948	0
21	Lạng Sơn	3.769	3.657	-112	114.054	65
22	Hải Phòng	758	776	18	111.172	134
23	Khánh Hòa	616	1013	397	110.007	334
24	Đắk Lắk	3.592	3.478	-114	109.120	139
25	Bình Định	2.232	1.959	-273	107.938	258
26	Đồng Nai	77	98	21	105.205	1.796
27	Tuyên Quang	3.896	3.569	-327	101.536	12
28	Bình Phước	1.206	1.033	-173	101.119	210
29	Đà Nẵng	788	747	-41	87.438	317
30	Quảng Bình	2.853	2.882	29	83.313	63
31	Hà Giang	1.714	1.987	273	82.689	73
32	Ninh Bình	1.446	1.403	-43	81.099	86
33	Yên Bái	3.755	3.933	178	80.612	9
34	Bến Tre	1.451	1.748	297	78.585	421
35	Vĩnh Long	1.438	1.465	27	76.928	787
36	Điện Biên	1.983	2.204	221	66.733	14
37	Lâm Đồng	1.729	2.349	620	65.230	112
38	Cao Bằng	2.264	2.910	646	63.563	33
39	BRVT	692	1060	368	61.254	477
40	Hà Nam	1.798	1.809	11	60.297	55

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 21/3	Số mắc ngày 22/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 22/3	Số tử vong tích lũy đến 21/3
41	Quảng Trị	1.542	1.895	353	57.494	33
42	Trà Vinh	812	1039	227	55.950	266
43	Lai Châu	1.777	2.216	439	51.287	0
44	Đồng Tháp	77	30	-47	49.301	981
45	Cần Thơ	173	96	-77	48.176	925
46	Gia Lai	2.793		-2.793	46.511	85
47	Long An	134	150	16	46.007	990
48	Bình Thuận	450	672	222	45.845	452
49	Bạc Liêu	249	228	-21	43.211	426
50	Phú Yên	973	739	-234	41.481	113
51	Đắk Nông	1.175	1.217	42	40.889	42
52	Quảng Nam	353	348	-5	40.814	127
53	An Giang	170	161	-9	38.078	1.348
54	Kiên Giang	76	146	70	36.954	948
55	Tiền Giang	5	17	12	35.914	1.220
56	T.T.Huế	610	632	22	35.723	171
57	Bắc Kạn	3.684	2.262	-1.422	34.555	14
58	Quảng Ngãi	811	1002	191	33.641	115
59	Sóc Trăng	52	74	22	33.566	597
60	Hà Tĩnh	968	989	21	32.761	27
61	Kon Tum	1.246	1.283	37	18.858	0
62	Hậu Giang	38	50	12	17.051	213
63	Ninh Thuận	74	57	-17	8.100	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	131.709	130.731	-978	8.331.240	41.914

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 21/3/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.229.004	5.996.991	0	233.139	4.005.922	699.939	674.943	17.839.938	100,5%
2	Hải Phòng	4.421.396	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,3%
3	Thái Bình	3.160.320	1.157.091	1.194.418	97.282	279.292	402.029	150.029	146.159	3.426.300	108,4%
4	Nam Định	3.209.500	1.145.411	1.128.315	0	58.539	649.117	158.398	156.097	3.295.877	102,7%
5	Hà Nam	1.823.260	583.119	573.865	0	274.504	250.292	71.438	69.241	1.822.459	100,0%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.166	78.443	2.055.499	118,0%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	412.372	602.118	283.435	281.516	6.220.074	80,4%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.047.406	149.767	149.254	4.099.974	110,7%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.136.399	1.093.379	0	360.425	449.985	115.527	108.163	3.263.878	104,6%
10	Phú Thọ	2.482.660	1.002.859	1.000.022	0	287.308	410.375	124.912	123.397	2.948.873	118,8%
11	Vĩnh Phúc	2.302.560	793.840	772.897	0	242.751	398.321	114.275	112.331	2.434.415	105,7%
12	Hải Dương	3.317.176	1.332.859	1.280.097	5.429	96.519	493.021	157.247	153.881	3.519.053	106,1%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	306.806	349.504	110.591	110.075	2.498.605	101,7%
14	Thái Nguyên	2.407.650	920.083	888.549	12.792	206.119	259.130	108.213	106.691	2.501.577	103,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
15	Bắc Cạn	600.140	219.567	217.369	0	13.705	76.115	25.226	23.697	575.679	95,9%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.007.655	972.389	0	21.625	833.415	119.421	110.336	3.064.841	93,4%
17	Hoà Bình	1.655.130	552.604	519.945	0	234.760	166.598	75.444	71.462	1.620.813	97,9%
18	Nghệ An	5.647.240	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	110,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	801.478	735.249	0	230.717	128.139	113.667	111.801	2.121.051	93,4%
20	Lai Châu	785.810	256.212	246.046	0	107.771	96.719	53.522	48.018	808.288	102,9%
21	Lạng Sơn	1.741.530	510.418	500.481	0	0	424.874	66.528	62.859	1.565.160	89,9%
22	Tuyên Quang	1.425.200	493.097	490.002	0	40.926	291.057	70.237	67.026	1.452.345	101,9%
23	Hà Giang	1.732.720	487.876	472.857	487	167.183	218.218	88.638	84.687	1.519.946	87,7%
24	Cao Bằng	995.520	350.690	332.450	0	73.065	122.791	45.548	41.433	965.977	97,0%
25	Yên Bái	1.643.174	517.440	507.616	0	264.714	210.352	78.940	75.560	1.654.622	100,7%
26	Lào Cai	1.539.820	466.629	455.083	0	256.138	131.028	80.607	74.482	1.463.967	95,1%
27	Sơn La	1.839.820	738.961	698.989	2.334	0	265.355	140.950	131.453	1.978.042	107,5%
28	Điện Biên	1.145.460	335.759	318.704	0	228.303	83.847	72.701	58.834	1.098.148	95,9%
Cộng miền Bắc		85.931.396	29.750.018	28.913.999	907.607	5.921.896	13.644.362	3.812.018	3.674.223	86.624.123	100,8%
29	Quảng Bình	1.562.332	536.996	520.002	0	163.121	146.000	79.703	68.600	1.514.422	96,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
30	Quảng Trị	1.306.372	432.948	416.323	10.593	65.563	214.388	64.844	60.274	1.264.933	96,8%
31	TT- Huế	2.428.386	787.140	766.545	0	272.433	301.732	103.090	98.236	2.329.176	95,9%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.731	858.794	0	83.621	778.880	102.113	99.745	2.788.884	111,8%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.044.936	1.035.436	32.127	395.037	281.435	132.605	130.337	3.051.913	95,7%
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.611	808.092	0	113.831	398.818	113.371	112.494	2.399.217	87,1%
35	Bình Định	2.974.270	1.049.441	1.015.756	53.825	353.875	293.020	141.247	138.975	3.046.139	102,4%
36	Phú Yên	1.732.454	626.160	598.053	502	77.906	260.047	85.550	80.618	1.728.836	99,8%
37	Khánh Hòa	2.757.854	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.089	115.526	2.919.581	105,9%
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.063	402.513	0	149.251	164.663	61.593	58.687	1.268.770	102,9%
39	Bình Thuận	2.720.780	914.950	886.657	7.207	268.839	162.441	131.700	125.815	2.497.609	91,8%
Cộng miền Trung		25.156.914	8.522.676	8.261.090	104.254	2.339.061	3.355.187	1.137.905	1.089.307	24.809.480	98,6%
40	Kon Tum	1.026.100	321.205	321.036	10.696	93.513	101.694	58.967	55.533	962.644	93,8%
41	Gia Lai	2.759.482	996.091	916.937	78.914	216.022	240.102	167.610	145.125	2.760.801	100,0%
42	Đắk Lắk	3.430.970	1.259.692	1.200.148	0	515.579	247.409	178.061	164.158	3.565.047	103,9%
43	Đắk Nông	1.288.580	403.216	399.426	0	210.091	135.484	68.070	65.742	1.282.029	99,5%
Cộng Tây Nguyên		8.505.132	2.980.204	2.837.547	89.610	1.035.205	724.689	472.708	430.558	8.570.521	100,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
44	TP. HCM	20.329.820	7.394.886	6.678.441	0	679.310	4.217.762	728.658	683.923	20.382.980	100,3%
45	BR-VT	2.756.640	971.107	909.657	0	9.719	629.672	110.539	109.284	2.739.978	99,4%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.721.723	2.357.381	0	170.955	580.242	284.677	274.559	6.389.537	95,9%
47	Tiền Giang	3.821.466	1.325.076	1.277.134	130.134	105.246	738.742	156.877	158.082	3.891.291	101,8%
48	Long An	4.337.696	1.501.340	1.464.465	0	22.594	1.135.253	171.738	157.190	4.452.580	102,6%
49	Lâm Đồng	2.991.030	982.757	966.194	0	525.818	239.157	138.865	120.218	2.973.009	99,4%
50	Tây Ninh	2.606.794	948.781	890.968	0	32.471	501.646	109.066	100.641	2.583.573	99,1%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.319	943.050	5.972	342.392	279.308	109.920	102.395	2.727.356	98,6%
52	Sóc Trăng	2.583.664	899.036	865.520	0	662.920	48.563	116.852	111.026	2.703.917	104,7%
53	An Giang	4.085.900	1.363.962	1.345.570	191.317	439.859	283.718	204.041	188.953	4.017.420	98,3%
54	Bến Tre	3.005.278	1.023.548	1.007.127	0	468.053	244.806	106.936	104.564	2.955.034	98,3%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	493.521	98.456	90.955	2.081.353	99,2%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.843	764.767	0	290.632	335.665	92.820	87.976	2.350.703	100,6%
57	Đồng Tháp	3.659.806	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	91,4%
58	Bình Dương	6.422.152	2.434.353	2.181.359	0	144.129	830.697	191.325	152.826	5.934.689	92,4%
59	Bình Phước	2.267.174	752.685	721.089	0	214.690	160.961	109.584	100.949	2.059.958	90,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
60	Kiên Giang	3.790.150	1.238.102	1.173.734	67.200	0	380.384	167.191	158.557	3.185.168	84,0%
61	Cà Mau	2.492.410	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	96,9%
62	Bạc Liêu	1.624.224	568.467	560.195	0	179.798	205.434	88.820	86.174	1.688.888	104,0%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.311	514.206	0	251.884	124.525	74.042	71.613	1.568.581	102,5%
Cộng miền Nam		82.169.722	29.060.438	27.315.734	394.771	5.364.585	11.860.218	3.330.893	3.120.949	80.447.588	97,9%

Ghi chú:

- 173.250 liều vắc xin AstraZeneca đợt 134 và 286.518 liều vắc xin Pfizer đợt 135 có Quyết định phân bổ ngày 18/3/2022
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.441.360 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 347.357 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.
- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 21/3/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	73,5%	100,0%	99,8%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,9%	95,9%	32,3%	100,0%	97,4%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	98,8%	97,4%	56,0%	99,5%	98,0%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,2%	93,7%	40,9%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	47,5%	100,0%	95,9%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	27,3%	99,3%	98,6%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	81,8%	99,8%	99,5%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,1%	95,3%	39,2%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,2%	99,0%	40,6%	97,0%	95,8%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	97,8%	50,4%	98,5%	96,9%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,2%	95,2%	36,7%	99,8%	97,6%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	42,3%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	28,2%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	99,7%	98,7%	34,6%	100,0%	94,0%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	98,8%	95,3%	81,7%	98,2%	90,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
17	Hoà Bình	570.146	73.734	96,9%	91,2%	29,2%	100,0%	96,9%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	92,4%	16,1%	98,5%	96,9%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,0%	94,1%	37,0%	100,0%	91,4%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	98,8%	83,9%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	59,6%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	99,6%	96,5%	44,5%	98,6%	94,2%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,0%	90,1%	33,3%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,5%	41,2%	99,7%	95,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	29,4%	100,0%	93,2%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	94,8%	36,0%	99,5%	92,8%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,0%	94,0%	24,7%	100,0%	87,1%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	100,0%	100,0%	47,4%	100,0%	97,0%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,1%	96,0%	27,0%	100,0%	86,2%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,4%	91,8%	47,3%	99,0%	92,0%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,3%	38,7%	99,9%	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	97,0%	88,0%	99,9%	97,6%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	96,2%	95,3%	25,9%	94,5%	92,8%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	94,8%	46,8%	98,7%	97,9%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,1%	91,1%	26,3%	96,4%	94,9%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,4%	92,1%	40,0%	99,8%	94,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,0%	90,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,2%	40,2%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,2%	18,0%	100,0%	97,6%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.152.519	98,8%	95,7%	38,9%	98,7%	94,5%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,8%	94,8%	30,0%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	96,5%	25,3%	100,0%	87,2%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,5%	94,8%	19,5%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	33,5%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	95,9%	24,5%	98,1%	89,4%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,8%	61,8%	87,6%	82,2%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,1%	65,8%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,7%	23,3%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,2%	56,8%	99,0%	99,7%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,2%	100,0%	93,8%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,4%	24,6%	100,0%	91,2%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,3%	52,5%	100,0%	97,4%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,6%	99,5%	29,5%	97,5%	90,8%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,4%	98,1%	20,7%	100,0%	95,0%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,5%	96,9%	23,6%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	70,7%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,4%	43,6%	100,0%	95,9%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	92,4%	35,2%	98,5%	78,7%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,2%	95,1%	21,2%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	32,0%	96,7%	91,7%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,8%	35,9%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,3%	95,9%	23,2%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.122.551	3.420.904	100,0%	97,1%	42,2%	100,0%	91,2%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 21/3/2022 đến 16h00 ngày 22/3/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 3.926 lượt người (nhập cảnh: 1.768, xuất cảnh: 2.158).
- + Tuyến VN-TQ: 266 lượt người (nhập cảnh: 85, xuất cảnh: 181).
- + Tuyến VN-Lào: 1.938 lượt người (nhập cảnh 949, xuất cảnh: 989).
- + Tuyến VN-CPC: 1.722 lượt người (nhập cảnh 734; xuất cảnh: 988).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 967 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 841 người (VN-TQ: 01; VN-Lào: 71, VN-CPC: 769).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 105 người (VN-TQ: 05; VN-Lào: 0, VN-CPC: 100).
 - + Số người trao trả: 21 người (VN-TQ: 21; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 21/3/2022 tới ngày 22/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.891 lượt người (nhập cảnh: 1.276 lượt người; xuất cảnh: 615 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 3.493 lượt người (nhập cảnh: 1.471 lượt người; xuất cảnh: 2.022 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 22/3, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 37 tin/bài tiếng Việt; 31 ảnh trong nước và quốc tế; 16 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 2 tin đồ họa về dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam và trên thế giới.

TTXVN tập trung phản ánh các bộ, ngành, địa phương tăng cường kiểm soát, gửi vũng thành quả chống dịch COVID-19; triển khai tiêm vaccine phòng COVID-19; triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, hành vi, chung tay phòng, chống dịch COVID-19; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, nhất là các thầy thuốc trẻ tích cực tham gia công tác phòng, chống dịch COVID-19; chấn chỉnh công tác quản lý, chăm sóc, điều trị F0 tại nhà; việc cho F1, F0 đi làm; giảm thiểu tác động của COVID-19; phát huy vai trò công đoàn hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn, bị ảnh hưởng do COVID-19...

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu (từ 21/3, các DN đã dừng phát âm thông báo tại Bình Phước).

- Tính đến hết 21/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.493.000 cuộc gọi (ngày 21/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 4 nghìn cuộc gọi).

11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3	21/3
5393	4394	4024	5251	5319	5351	5637	5835	5095	4094	4337

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 21/3/2022 đã tiếp nhận hơn 313 nghìn cuộc (ngày 21/3/2022 đã tiếp nhận 26 cuộc).

Tiêu chí	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3	21/3
Cuộc gọi đến	33	25	31	34	37	29	41	32	27	23	26

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 39.165.000, chiếm 40,83% dân số, 58,73% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.780.558 điểm đăng ký

+ 74.254 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 270.167.667

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 202.029.331

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 189.594.094

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,84%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.460.060

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương.

- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Bộ Y tế đang lập kế hoạch, lên phương án về nhân lực, cơ sở hạ tầng để sẵn sàng tiêm vắc-xin Covid-19 cho trẻ từ 5 - 11 tuổi và tiêm mũi 4 đối với người có bệnh nền và một số đối tượng cần bảo vệ.

- Tối 21/3, tại Hà Nội, Hội Thầy thuốc trẻ Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tổ chức Lễ tuyên dương Thầy thuốc trẻ Việt Nam tiêu biểu năm 2021 với chủ đề “Thầy thuốc trẻ trên mặt trận phòng, chống đại dịch COVID-19”.

- Hội Thầy thuốc trẻ Việt Nam triển khai chương trình Chăm sóc sức khỏe hậu COVID-19: Chiều 21/3, tại Trụ sở Trung ương Đoàn (Hà Nội), Trung ương Hội Thầy thuốc trẻ Việt Nam và các đơn vị phối hợp ký kết chương trình "Chăm sóc sức khỏe hậu COVID-19" năm 2022.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- **Thành phố Hồ Chí Minh:** TP.HCM xem xét cho F1 đi học, đi làm bình thường: Dự kiến, Sở Y tế sẽ trình UBND TP.HCM cho phép F1 thuộc diện cần theo dõi, đã tiêm đủ 3 mũi vắc-xin Covid-19 có thể quay lại làm việc, học tập bình thường. Đề xuất này nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng sản xuất, gián đoạn việc học tập của các em. Các F1 này vẫn cần tự theo dõi sức khỏe và báo ngay cơ quan y tế gần nhất khi có triệu chứng bất thường

- **Hà Nội:** Ngày 21/3, số ca mắc Covid-19 tại Hà Nội giảm mạnh: Tin từ Sở Y tế Hà Nội, từ 18 giờ ngày 20/3 đến 18 giờ ngày 21/3, Hà Nội ghi nhận 17.916 ca mắc COVID-19, trong đó có 6.667 ca tại cộng đồng, 11.249 ca đã cách ly. Hiện nay, gần 99% người mắc COVID-19 ở Hà Nội đều được theo dõi, điều trị tại nhà. Số bệnh nhân phải vào viện điều trị chỉ chiếm khoảng 1%. Tỷ lệ tử vong tính từ đợt bùng phát dịch lần thứ 4 (ngày 27/4/2021 đến nay) là 0,15%.

- **Nam Định:** từ ngày 22/3, tỉnh Nam Định cho phép mở lại các hoạt động phục vụ phát triển kinh tế-xã hội trong điều kiện "bình thường mới" như: tham quan di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tàng; thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, rạp chiếu phim, cơ sở dịch vụ thể dục thể thao trong nhà (phòng tập gym, yoga, câu lạc bộ thể hình...).

- **Long An** là một trong ít địa phương đi đầu trong thực hiện chủ trương F0, F1 được đến cơ quan làm việc trên tinh thần tự nguyện. Sau gần 2 tuần thực hiện, người lao động tại tỉnh đồng tình với chủ trương này, nhất là với những vị trí cần phải giải quyết công việc nhanh để không gây ách tắc.

- **Nghệ An** xem xét thi hành kỷ luật Giám đốc CDC liên quan đến vụ Việt Á: Theo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Nghệ An, ông Nguyễn Văn Định - Giám đốc CDC tỉnh, đã vi phạm các quy định của pháp luật khi tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư phòng, chống dịch COVID-19 của Công ty Việt Á.

- **Bắc Giang** chính thức mở cửa trở lại hoạt động du lịch từ ngày 22/3: Từ ngày 22/3, Bắc Giang sẽ mở cửa đón khách tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng... Khách du lịch có thể lựa chọn hình thức đi theo tour trọn gói, khép kín của các công ty lữ hành tổ chức hoặc đi lẻ, tự chọn dịch vụ gắn với quy trình kiểm soát phòng, chống dịch an toàn, bảo đảm sự linh hoạt, thuận lợi cho khách du lịch.